

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03/7/2020. “V/v: *Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂKLĂK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Y Lợi Niê

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Y Ben Êban, ông Y Tha Mlô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 27/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020//QĐST-HNGĐ ngày 12/ 6/ 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thanh Th – Sinh năm 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn HH, xã QH, huyện CM, tỉnh ĐL.

Bị đơn: Ông Vương Thanh A, sinh năm 1967

(Vắng mặt)

Trú tại: Thôn HH, xã QH, huyện CM, tỉnh ĐL.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh Th trình bày:

Bà Hoàng Thị Thanh Th và ông Vương Thanh A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 1995 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Th Đ, huyện LK, tỉnh ĐN.

Quá trình chung sống bà Th và ông A có 03 con chung: Vương Hà M, sinh năm 1991, Vương Thảo Nh, sinh năm 1995 và Vương Ngọc H, sinh năm 1998. Cả 3 cháu đều đã trưởng thành và có công việc ổn định.

Trước khi chung sống với bà Th, ông A có 01 con riêng là Vương Thị Mỹ Ph, sinh năm 1986. Hiện nay cháu Ph cũng có gia đình riêng.

Trước đây gia đình bà Th sống tại xã Th Đ, huyện LK, tỉnh ĐL đến năm 1999 cả gia đình chuyển về xã QH làm ăn sinh sống.

Những năm đầu khi mới chuyển về sống tại QH, tình cảm vợ chồng bình thường. Mậu thuận vợ chồng phát sinh từ năm 2015 đến nay. Ông A không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè về chửi bới vợ con. Sự ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên bà Th đã cố gắng nín nhịn và khuyên bảo nhưng ông A không những không nghe mà còn thường xuyên gây sự hơn.

Vì đã lớn tuổi sợ làng xóm chê cười nên bà Th không nhờ chính quyền địa phương hòa giải cho hai vợ chồng mà âm thầm chịu đựng. Tuy nhiên từ cuối năm 2015 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung cả 3 cháu đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà Th không yêu cầu.

Về tài sản: bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Thanh Th phải chịu án phí theo quy định.

*** Bị đơn ông Vương Thanh A:**

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án niêm yết giấy báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho ông Vương Thanh A theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông A cố tình lẩn tránh, không đến tòa làm việc nên không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến của ông A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

- *Đối với Thẩm phán:* Về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Đối với đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Mặc dù được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thanh Th và ông Vương Thanh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, giữa bà Th và ông A nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà các bên không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Theo lời trình bày của bà Th cũng như kết quả xác minh tại địa phương, bà Th và ông A đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà Th là chính đáng nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Th và ông A có 03 con chung, Vương Hà M, sinh năm 1991, Vương Thảo Nh, sinh năm 1995 và Vương Ngọc H, sinh năm 1998. Cả 3 con đều đã trưởng thành và có công việc ổn định, do đó bà Th không yêu cầu giải quyết về con chung nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh Th phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm a,b Điều 227; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh Th.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị Thanh Th được ly hôn với ông Vương Thanh A.

- *Về con chung*: Cả 03 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Hoàng Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo AA/2019/ 0004585 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh ĐL.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAD, VKSND tỉnh ĐL;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã QH;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

